

Mã nhân dạng 00275

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Hoc Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Khoa học môi trường - 06-212110

CBGD: TS. Lê Quốc Tuấn (522)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10159016	TRẦN ĐÌNH	CHỦ	DH10AV	<i>Chur</i>	8	5	9	7.6	00000000000000000000	00000000000000000000
2	11127194	HUỖNH NGỌC	THÀNH	DH11MT	/	/	/	/	/	00000000000000000000	00000000000000000000
3	11336244	HÀ THỊ	PHƯƠNG	CD11CS	<i>phuong</i>	9	6	4	5.6	00000000000000000000	00000000000000000000
4	12128110	NGUYỄN THỊ NHÃ	PHƯƠNG	DH12AV	<i>npha</i>	7	5	9	7.4	00000000000000000000	00000000000000000000
5	12130164	ĐÀO GIA	KỶ	DH12DT	<i>Ky</i>	8	0	9	6.1	00000000000000000000	00000000000000000000
6	12333004	NGUYỄN HUỖNH TRUNG	HIỂU	CD12CQ	<i>-g</i>	8	2	7	5.7	00000000000000000000	00000000000000000000
7	12333176	NGUYỄN CÔNG	NGUYÊN	CD12CQ	<i>Cn</i>	7	2	5	4.5	00000000000000000000	00000000000000000000
8	12336057	PHAN HOÀNG	HƯNG	CD12CS	<i>Ho</i>	5	3	8	5.9	00000000000000000000	00000000000000000000
9	13114006	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	DH13LN	<i>Anhl</i>	2	3	9	5.8	00000000000000000000	00000000000000000000
10	13114054	ĐỖ VĂN	HUY	DH13LN	/	/	/	/	/	00000000000000000000	00000000000000000000
11	13114166	NGUYỄN NGHĨA	TRỌNG	DH13LN	/	/	/	/	/	00000000000000000000	00000000000000000000
12	13114295	TỔNG PHAN MINH	ÁI	DH13LN	<i>Nguc</i>	7	5	9	7.4	00000000000000000000	00000000000000000000
13	13114500	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH13QR	<i>Thu</i>	8	6	9	7.9	00000000000000000000	00000000000000000000
14	13114505	HUỖNH MINH	THẮNG	DH13QR	<i>Thang</i>	8	2	6	5.2	00000000000000000000	00000000000000000000
15	13115086	ĐỖ HỒNG	QUÂN	DH13GB	<i>Quân</i>	7	2	7	5.5	00000000000000000000	00000000000000000000
16	13115091	LÊ THỊ HỒNG	SEN	DH13GB	<i>Sen</i>	7	2	4	4.0	00000000000000000000	00000000000000000000
17	13115119	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	DH13GB	<i>Tien</i>	9	2	4	4.4	00000000000000000000	00000000000000000000
18	13115148	NGUYỄN ĐỨC	ANH	DH13CB	<i>Ane</i>	8	4	8	6.8	00000000000000000000	00000000000000000000

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Khoa học môi trường - 06-212110

CBGD: TS. Lê Quốc Tuấn (522)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20%	30%	50%			
19	13115173	TRƯƠNG THỊ LỆ	DIỆM	DH13GB	lediem	8	6	9	7.9		
20	13115219	NGUYỄN THANH	HOÀNG	DH13CB	htong	9	6	9	8.1		
21	13115256	TRIỆU THỊ	LIÊN	DH13GB	qlien	9	6	8	7.6		
22	13115265	LÊ THỊ BÍCH	LOAN	DH13GB	han	9	6	8	7.6		
23	13115319	PHẠM HOÀNG	PHI	DH13GB	ph	7	2	6	5.0		
24	13115326	DIỆP QUANG	PHÚ	DH13GB	phu	8	2	6	5.2		
25	13115398	ĐÌNH THỊ	THU	DH13GB	nghe	9	4	7	6.5		
26	13115407	NGUYỄN THỊ NHƯ	THÙY	DH13GB	nhu	8	4	5	5.3		
27	13115421	PHAN HỮU	TOÀN	DH13GB	toan	7	2	5	4.5		
28	13116068	TRẦN THỊ	HỒNG	DH13NT	hong	7	8	8	7.8		
29	13116222	HOÀNG ĐÌNH	THƯỜNG	DH13NT	huong	8	8	5	6.8		
30	13116228	VÕ THANH	TỊNH	DH13NT	th	8	8	5	6.8		
31	13116398	TRƯƠNG XUÂN	HOÀI	DH13NT	han	8	8	9	8.8		
32	13116594	TRẦN THỊ NGỌC	QUYÊN	DH13NT	truyen	9	8	5	6.7		
33	13116656	LÊ THỊ XUÂN	THIỆN	DH13NT	thien	9	8	9	8.7		
34	13117117	THÂN THỊ	PHƯƠNG	DH13CT	phuong	7	8	9	8.3		
35	13121004	NGUYỄN THỊ THANH	DUNG	DH13PT	dung	9	5	5	5.8		
36	13121009	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	DH13PT	thao	9	5	2	4.3		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Khoa học môi trường - 06-212110

CBGD: TS. Lê Quốc Tuấn (522)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13121024	HOÀNG THỊ THU	DUNG	DH13PT	20%	30%	60%	7	3	8	6.3
38	13121028	TRẦN THỊ THÙY	DUNG	DH13PT	7	3	10	7.3			
39	13121033	ĐẶNG THỊ SINH	ĐIỀU	DH13PT	7	3	10	7.3			
40	13121149	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	DH13PT	8	3	7	6.0			
41	13125230	TRẦN XUÂN	LÂM	DH13BQ	10	5	10	8.5			
42	13125498	BÙI THANH	THÙY	DH13BQ	9	5	8	7.3			
43	13127012	VÕ THỊ NGỌC	BÍCH	DH13MT	10	5	10	8.5			
44	13127028	LƯU KIỀU	DIỄM	DH13MT	8	5	10	8.1			
45	13127068	LÝ ĐỨC	HIỀN	DH13MT	8	3	10	7.6			
46	13127113	VŨ TUẤN	KIỆT	DH13MT	9	5	7	6.8			
47	13127132	VÕ NGỌC	MAI	DH13MT	10	5	10	8.5			
48	13127150	HOÀNG NGUYỆT	NGA	DH13MT	9	4	8	7.0			
49	13127161	LÊ NGUYỄN MINH	NGỌC	DH13MT	-	-	-	-			
50	13127188	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	DH13MT	5	5	8	6.5			
51	13127200	NGUYỄN VY THẢO	PHƯƠNG	DH13MT	9	5	7	6.8			
52	13127224	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG	DH13MT	8	5	9	7.6			
53	13127244	NGÔ THỊ THU	THẢO	DH13MT	9	5	8	7.3			
54	13127249	LÊ NGUYỄN KIM	THẨM	DH13MT	8	5	8	7.1			

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Khoa học môi trường - 06-212110

CBGD: TS. Lê Quốc Tuấn (522)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13127253	NGUYỄN TẤT	THẮNG	DH13MT		8	2	5	4.7		
56	13127273	NGUYỄN MINH	THUẬN	DH13MT		8	5	8	7.1		
57	13127274	PHAN THỊ	THUẬN	DH13MT		9	5	8	7.3		
58	13127302	THÁI BÁ	TRỌNG	DH13MT	/	/	/	/	/		
59	13127349	SẦN A	CHÚNG	DH13MT		7	5	3	4.4		
60	13127350	NGUYỄN CÔNG	HOÀNG	DH13MT		8	2	7	5.7		
61	13130048	HUỖNH QUỐC	LỘC	DH13DT		6	5	7	6.2		
62	13130238	LÊ CAO	NGHĨA	DH13DT		8	0	9	6.1		
63	13130241	LÊ XUÂN	NGUYỄN	DH13DT		0	5	10	8.5		
64	13329189	TRÀ NGỌC	TÂN	CD13TH		7	5	8	6.9		
65	13336098	HÀ THỊ	NGỌC	CD13CS		8	6	8	7.4		

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Lê Quốc Tuấn

Lê Quốc Tuấn